

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xét tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển công chức cấp xã tập trung tỉnh Quảng Ninh năm 2016

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 33/TTr-SNV ngày 11/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét tuyển và danh sách 55 thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển công chức cấp xã tập trung tỉnh Quảng Ninh năm 2016 (có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã tập trung tỉnh Quảng Ninh năm 2016 có trách nhiệm thông báo kết quả xét tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển đến Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có thí sinh dự tuyển và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thành viên Hội đồng tuyển dụng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (T/hiện);
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TH5.

3b - QĐ700

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ TẬP TRUNG TỈNH QUẢNG NINH 2016

(Kèm theo Quyết định số **1280** /QĐ-UBND ngày **26** /4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Họ và tên		Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển			Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					
				Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ	
					Trình độ	Chuyên ngành			Loại tốt nghiệp	Xã, phường, thị trấn						Huyện, thị xã, thành phố
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16
I	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN															
1	Lương Thị Thanh	Huệ	QNX008	20/6/1993	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Xã Thượng Yên Công	Thành phố Uông Bí		68,50		68,50	Sáu mươi tám phẩy năm
2	Lâm Thị	Lan	QNX009	04/02/1991	Đại học	Kế toán	Giỏi	Chất lượng cao	Tài chính - kế toán	Phường Hà Trung	Thành phố Hạ Long		82,00		82,00	Tám mươi hai
3	Vũ Thị Thanh	Luyến	QNX012	16/7/1988	Đại học	Kế toán	Giỏi	Chất lượng cao	Tài chính - kế toán	Phường Hà Lâm	Thành phố Hạ Long		54,50		54,50	Năm mươi tư phẩy năm
4	Đỗ Thị	Nga	QNX014	18/11/1994	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Hồng Hải	Thành phố Hạ Long		78,00		78,00	Bảy mươi tám
5	Cao Thu	Thảo	QNX020	15/3/1993	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Nam Khê	Thành phố Uông Bí		71,00		71,00	Bảy mươi một
II	LĨNH VỰC TƯ PHÁP															
6	Trần Văn	Chung	QNX027	25/4/1990	Đại học	Luật Kinh tế	Giỏi	Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Phường Quang Hanh	Thành phố Cẩm Phả		59,00	20	79,00	Bảy mươi chín
7	Nguyễn Thị Thanh	Liễu	QNX028	19/10/1992	Đại học	Luật	Giỏi	Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Phường Trần Hưng Đạo	Thành phố Hạ Long		78,00		78,00	Bảy mươi tám
8	Phạm Thị Thanh	Nga	QNX029	08/01/1992	Thạc sĩ	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự		Chất lượng cao	Tư pháp - hộ tịch	Phường Tuần Châu	Thành phố Hạ Long		53,00		53,00	Năm mươi ba
9	Nguyễn Thị Mai	Phương	QNX030	06/11/1992	Thạc sĩ	Luật Kinh tế		Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Phường Hà Phong	Thành phố Hạ Long		54,50		54,50	Năm mươi tư phẩy năm
10	Phạm Thu Thùy	Thùy	QNX031	27/9/1991	Đại học	Luật	Giỏi	Chất lượng cao	Tư pháp - hộ tịch	Phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long		66,50		66,50	Sáu mươi sáu phẩy năm
11	Đặng Vũ Quỳnh	Trang	QNX032	28/11/1989	Thạc sĩ	Luật	Khá	Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Phường Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long		51,50		51,50	Năm mươi một phẩy năm
12	Vũ Thị Huyền	Trang	QNX033	15/11/1990	Đại học	Luật	Giỏi	Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Xã Thống Nhất	Huyện Hoành Bồ		88,50		88,50	Tám mươi tám phẩy năm

TT	Họ và tên	Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển				Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh				
			Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển			Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ
				Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16
13	Hoàng Thị Kim Duyên	QNX 034	03/6/1993	Đại học	Luật	Giỏi	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Đồng Văn	Huyện Bình Liêu	255,11	51,25	20	326,36	Ba trăm hai mươi sáu phẩy ba sáu
14	Lê Trọng Lượng	QNX 038	26/8/1987	Trung cấp	Luật	Trung bình khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Vĩnh Thực	Thành phố Móng Cái	188,85	56,00	10	254,85	Hai trăm năm mươi tư phẩy tám lăm
15	Bùi Văn Tùng	QNX 040	17/5/1988	Đại học	Luật Kinh tế	Trung bình khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Minh Châu	Huyện Văn Đồn	190,95	56,50	10	257,45	Hai trăm năm mươi bảy phẩy bốn lăm
III LĨNH VỰC VĂN PHÒNG															
16	Phạm Thị Hoài	QNX 052	22/11/1985	Đại học	Quản trị kinh doanh	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trung Vương	Thành phố Uông Bí		82,00		82,00	Tám mươi hai
17	Phạm Thị Thúy Hồng	QNX 054	04/12/1984	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Nam Khê	Thành phố Uông Bí		60,00		60,00	Sáu mươi
18	Đặng Thị Hường	QNX 057	31/8/1994	Đại học	Quản trị nhân lực	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Xã Hiệp Hòa	Thị xã Quảng Yên		79,00		79,00	Bảy mươi chín
19	Vũ Thị Bảo Lâm	QNX 058	30/7/1993	Đại học	Hành chính học	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Thị trấn Trới	Huyện Hoành Bồ		76,00		76,00	Bảy mươi sáu
20	Nguyễn Thị Tâm	QNX 063	10/8/1990	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Khánh	Thành phố Hạ Long		80,00		80,00	Tám mươi
21	Nguyễn Ngọc Tú	QNX 064	08/6/1986	Thạc sĩ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hưng Đạo	Thị xã Đông Triều		80,00		80,00	Tám mươi
22	Phạm Văn Tuấn	QNX 065	04/12/1992	Đại học	Công tác xã hội	Giỏi	Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hải Hòa	Thành phố Móng Cái		76,00		76,00	Bảy mươi sáu
23	Vũ Thị Thảo	QNX 067	15/12/1989	Đại học	Quản trị nhân lực	Giỏi	Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Trung	Thành phố Hạ Long		74,00		74,00	Bảy mươi tư
24	Đỗ Phương Thảo	QNX 068	27/4/1985	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trần Hưng Đạo	Thành phố Hạ Long		58,00		58,00	Năm mươi tám
25	Hoàng Thu Thảo	QNX 069	17/10/1989	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trần Hưng Đạo	Thành phố Hạ Long		78,00		78,00	Bảy mươi tám
26	Phạm Thu Trang	QNX 072	20/11/1992	Đại học	Hành chính học	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Xã Thống Nhất	Huyện Hoành Bồ		76,00		76,00	Bảy mươi sáu
27	Ngô Thị Thanh Uyên	QNX 073	02/9/1989	Thạc sĩ	Quản lý hành chính công		Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Phong	Thành phố Hạ Long		75,00		75,00	Bảy mươi lăm
28	Triệu Thị Hà	QNX 074	14/7/1991	Đại học	Hành chính học	Trung bình khá	Xét tuyển địa bàn	Văn phòng - thống kê	Xã Đồng Tâm	Huyện Bình Liêu	208,51	62,00	20	290,51	Hai trăm chín mươi phẩy năm một

TT	Họ và tên	Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển				Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh				
			Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển			Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ
				Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố					
		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 12+13+14	16
IV. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI															
29	Ngô Thị Diệu	QNX 082	14/12/1980	Đại học	Công tác xã hội	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Bạch Đằng	Thành phố Hạ Long		75,00	20	95,00	Chín mươi lăm
30	Bùi Thị Huyền	QNX 085	28/7/1989	Đại học	Xã hội học	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Cẩm Trung	Thành phố Cẩm Phả		56,50		56,50	Năm mươi sáu phẩy năm
31	Đào Thị Thu	QNX 086	18/7/1989	Đại học	Công tác xã hội	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Cao Xanh	Thành phố Hạ Long		64,00		64,00	Sáu mươi tư
32	Đinh Thị Thủy	QNX 093	01/9/1987	Thạc sĩ	Công tác xã hội		Chất lượng cao	Văn hóa - xã hội	Phường Tân An	Thị xã Quảng Yên		84,50	20	104,50	Một trăm linh tư phẩy năm
V. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN															
33	Nguyễn Thị Vân	QNX 094	26/5/1991	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Thủy	Thành phố Cẩm Phả		73,50		73,50	Bảy mươi ba phẩy năm
34	Vũ Văn Bình	QNX 095	11/5/1987	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Tuần Châu	Thành phố Hạ Long		67,00	20	87,00	Tám mươi bảy
35	Lê Thị Thu	QNX 099	18/3/1990	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Trung	Thành phố Cẩm Phả		56,50		56,50	Năm mươi sáu phẩy năm
36	Vũ Thị Hương	QNX 103	24/12/1986	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long		91,50		91,50	Chín mươi một phẩy năm
37	Phạm Đình Khánh	QNX 104	26/3/1991	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Đông	Thành phố Cẩm Phả		68,00		68,00	Sáu mươi tám
38	Đặng Minh Mạnh	QNX 107	13/9/1990	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Phú	Thành phố Cẩm Phả		92,50		92,50	Chín mươi hai phẩy năm
39	Mai Xuân Toàn	QNX 110	07/12/1984	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Hà Trung	Thành phố Hạ Long		79,50		79,50	Bảy mươi chín phẩy năm
40	Vũ Thị Tuyền	QNX 112	17/9/1991	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Hoàng Tân	Thị xã Quảng Yên		84,00		84,00	Tám mươi tư
41	Trương Thị Thái	QNX 113	25/11/1990	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên		73,00		73,00	Bảy mươi ba
42	Trần Thị Bích	QNX 114	15/4/1993	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Phương Đông	Thành phố Uông Bí		64,00		64,00	Sáu mươi tư
43	Phan Thị Bảo Thương	QNX 115	07/01/1992	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Tân Lập	Huyện Đầm Hà		65,50		65,50	Sáu mươi lăm phẩy năm
44	Hoàng Văn Biển	QNX 116	12/02/1992	Trung cấp	Quản lý đất đai	Khá	Xét tuyển địa bàn	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Vĩnh Thục	Thành phố Móng Cái	221,73	62		283,73	Hai trăm tám mươi ba phẩy bảy ba

T	Họ và tên	Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển				Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh				
			Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển			Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ
				Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16
VI LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG															
15	Dương Ngô Lich	QNX 125	19/11/1983	Thạc sĩ	Quản lý Môi trường		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Hùng Thắng	Thành phố Hạ Long		95,00		95,00	Chín mươi năm
16	Nguyễn Thị Vân Nga	QNX 126	20/11/1990	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	Giỏi	Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Thịnh	Thành phố Cẩm Phả		85,50		85,50	Tám mươi lăm phẩy năm
17	Nguyễn Thanh Tuấn	QNX 129	09/3/1986	Thạc sĩ	Khoa học môi trường		Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Thống Nhất	Huyện Hoành Bồ		92,00		92,00	Chín mươi hai
18	Điệp Văn Phàng	QNX 132	26/7/1984	Đại học	Khoa học môi trường	Trung bình	Xét tuyển địa bàn	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Kỳ Thượng	Huyện Hoành Bồ	188,10	56,00	20	264,10	Hay trăm sáu mươi tư phẩy một
49	Linh Thị Sơn	QNX 133	24/12/1990	Đại học	Địa chính môi trường	Khá	Xét tuyển địa bàn	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Đồng Sơn	Huyện Hoành Bồ	232,80	88,50	20	341,30	Ba trăm bốn mươi một phẩy ba
VII LĨNH VỰC XÂY DỰNG															
50	Nguyễn Huy Bình	QNX 136	31/12/1986	Thạc sĩ	Quản lý đô thị và công trình		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Vàng Danh	Thành phố Uông Bí		78,00		78,00	Bảy mươi tám
51	Hồ Minh Đức	QNX 137	24/9/1983	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng, đô thị		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long		83,50		83,50	Tám mươi ba phẩy năm
52	Phạm Tuấn Hưng	QNX 138	04/9/1989	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cao Thắng	Thành phố Hạ Long		77,00		77,00	Bảy mươi bảy
53	Phạm Thế Mạnh	QNX 140	09/01/1989	Thạc sĩ	Công trình đường bộ và đường sắt		Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Tiên Lãng	Huyện Tiên Yên		65,00		65,00	Sáu mươi lăm
54	Nguyễn Công Toàn	QNX 141	02/01/1983	Thạc sĩ	Kiến trúc		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Bắc Sơn	Thành phố Uông Bí		79,00	10	89,00	Tám mươi chín
55	Phạm Văn Thắng	QNX 142	27/11/1989	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cao Xanh	Thành phố Hạ Long		56,00		56,00	Năm mươi sáu

Ấn định danh sách trên là 55 người.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ TẬP TRUNG TỈNH QUẢNG NINH 2016

(Kèm theo Quyết định số **1280** /QĐ-UBND ngày **26** /4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	 Họ và tên	Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển				Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					Kết quả
			Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển			Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển <i>15= 12+13+14</i>	Bằng chữ	
				Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16	17
I	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN															
1	Nguyễn Thị Phương Anh	QNX001	26/5/1994	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Cẩm Sơn	Thành phố Cẩm Phả		24,50		24,50	Hai mươi tư phẩy năm	Không đạt
2	Trịnh Thái Bảo	QNX002	08/6/1994	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Cửa Ông	Thành phố Cẩm Phả		43,00		43,00	Bốn mươi ba	Không đạt
3	Nguyễn Huy Cường	QNX003	15/6/1991	Thạc sĩ	Kế toán tài chính và quản trị	Xuất sắc	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Thanh Sơn	Thành phố Uông Bí		Bỏ thi				
4	Nguyễn Thị Chính	QNX004	02/11/1993	Đại học	Kế toán	Xuất sắc	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long		Bỏ thi				
5	Phạm Thị Thùy Dung	QNX005	17/3/1994	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Cẩm Thạch	Thành phố Cẩm Phả		46,50		46,50	Bốn mươi sáu phẩy năm	Không đạt
6	Vũ Thanh Duyên	QNX006	19/01/1990	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Cẩm Thạch	Thành phố Cẩm Phả		0,00		0,00	Không	Không đạt
7	Trần Thị Thu Hằng	QNX007	23/12/1994	Đại học	Kế toán	Xuất sắc	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Xã Đông Xá	Huyện Vân Đồn		Bỏ thi				
8	Lương Thị Thanh Huệ	QNX008	20/6/1993	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Xã Thượng Yên Công	Thành phố Uông Bí		68,50		68,50	Sáu mươi tám phẩy năm	Đạt
9	Lâm Thị Lan	QNX009	04/02/1991	Đại học	Kế toán	Giỏi	Chất lượng cao	Tài chính - kế toán	Phường Hà Trung	Thành phố Hạ Long		82,00		82,00	Tám mươi hai	Đạt
10	Vũ Thị Liên	QNX010	16/4/1993	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Xã Bình Khê	Thị xã Đông Triều		32,00		32,00	Ba mươi hai	Không đạt
11	Đào Thị Bích Liễu	QNX011	06/10/1986	Đại học	Tài chính - kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Xã Bình Khê	Thị xã Đông Triều		Bỏ thi				
12	Vũ Thị Thanh Luyến	QNX012	16/7/1988	Đại học	Kế toán	Giỏi	Chất lượng cao	Tài chính - kế toán	Phường Hà Lâm	Thành phố Hạ Long		54,50		54,50	Năm mươi tư phẩy năm	Đạt
13	Bùi Thị Thanh Mai	QNX013	06/01/1991	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Thanh Sơn	Thành phố Uông Bí		Bỏ thi				
14	Đỗ Thị Nga	QNX014	18/11/1994	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Hồng Hải	Thành phố Hạ Long		78,00		78,00	Bảy mươi tám	Đạt
15	Nguyễn Thị Hải Phương	QNX015	12/5/1993	Đại học	Kế toán	Giỏi	Chất lượng cao	Tài chính - kế toán	Phường Hà Lâm	Thành phố Hạ Long		Bỏ thi				
16	Lý Thị Quế	QNX016	07/9/1988	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Trần Phú	Thành phố Móng Cái		Bỏ thi				

IT	Họ và tên		Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển			Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					Kết quả	
				Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ		
					Trình độ	Chuyên ngành			Loại tốt nghiệp	Xã, phường, thị trấn							Huyện, thị xã, thành phố
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16	17
17	Vũ Hải	Quyên	QNX017	02/3/1991	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Nam Khê	Thành phố Uông Bí		43,00		43,00	Bốn mươi ba	Không đạt
18	Trần Thị	Súy	QNX018	01/11/1990	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Hà Lâm	Thành phố Hạ Long		12,50		12,50	Mười hai phẩy năm	Không đạt
19	Đặng Thị Thanh	Tâm	QNX019	04/11/1994	Đại học	Quản trị Tài chính - Kế toán	Giỏi	Chất lượng cao	Tài chính - kế toán	Phường Hà Trung	Thành phố Hạ Long		40,50		40,50	Bốn mươi phẩy năm	Không đạt
20	Cao Thu	Thảo	QNX020	15/3/1993	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Nam Khê	Thành phố Uông Bí		71,00		71,00	Bảy mươi một	Đạt
21	Hoàng Phương	Thảo	QNX021	15/12/1991	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Xã Đồng Xá	Huyện Vân Đồn		47,00		47,00	Bốn mươi bảy	Không đạt
22	Tổng Thị Thanh	Thùy	QNX022	17/5/1986	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Xã Cộng Hòa	Thành phố Cẩm Phả		27,00		27,00	Hai mươi bảy	Không đạt
23	Lương Thị Hoài	Thương	QNX023	01/7/1993	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Cửa Ông	Thành phố Cẩm Phả		10,50		10,50	Mười phẩy năm	Không đạt
24	Phạm Thị Huyền	Trang	QNX024	02/4/1993	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Yết Kiêu	Thành phố Hạ Long		31,50		31,50	Ba mươi một phẩy năm	Không đạt
25	Vũ Thùy	Trang	QNX025	24/9/1994	Đại học	Kế toán	Giỏi	Thi tuyển	Tài chính - kế toán	Phường Hồng Hải	Thành phố Hạ Long		44,00		44,00	Bốn mươi bốn	Không đạt
II	LĨNH VỰC TƯ PHÁP																
26	Phạm Mạnh	Cường	QNX026	03/01/1992	Đại học	Luật	Giỏi	Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Xã Hoàng Tân	Thị xã Quảng Yên		22,50		22,50	Hai mươi hai phẩy năm	Không đạt
27	Trần Văn	Chung	QNX027	25/4/1990	Đại học	Luật Kinh tế	Giỏi	Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Phường Quang Hanh	Thành phố Cẩm Phả		59,00	20	79,00	Bảy mươi chín	Đạt
28	Nguyễn Thị Thanh	Liễu	QNX028	19/10/1992	Đại học	Luật	Giỏi	Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Phường Trần Hưng Đạo	Thành phố Hạ Long		78,00		78,00	Bảy mươi tám	Đạt
29	Phạm Thị Thanh	Nga	QNX029	08/01/1992	Thạc sĩ	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự		Chất lượng cao	Tư pháp - hộ tịch	Phường Tuần Châu	Thành phố Hạ Long		53,00		53,00	Năm mươi ba	Đạt
30	Nguyễn Thị Mai	Phương	QNX030	06/11/1992	Thạc sĩ	Luật Kinh tế		Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Phường Hà Phong	Thành phố Hạ Long		54,50		54,50	Năm mươi tư phẩy năm	Đạt
31	Phạm Thu Thùy	Thùy	QNX031	27/9/1991	Đại học	Luật	Giỏi	Chất lượng cao	Tư pháp - hộ tịch	Phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long		66,50		66,50	Sáu mươi sáu phẩy năm	Đạt
32	Đặng Vũ Quỳnh	Trang	QNX032	28/11/1989	Thạc sĩ	Luật	Khá	Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Phường Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long		51,50		51,50	Năm mươi một phẩy năm	Đạt
33	Vũ Thị Huyền	Trang	QNX033	15/11/1990	Đại học	Luật	Giỏi	Thi tuyển	Tư pháp - hộ tịch	Xã Thống Nhất	Huyện Hoành Bồ		88,50		88,50	Tám mươi tám phẩy năm	Đạt
34	Hoàng Thị Kim	Duyên	QNX 034	03/6/1993	Đại học	Luật	Giỏi	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Đồng Văn	Huyện Bình Liêu	255,11	51,25	20	326,36	Ba trăm hai mươi sáu phẩy ba sáu	Đạt

TT	Họ và tên	Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển				Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					Kết quả
			Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển			Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ	
				Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố						
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16	17
35	Nguyễn Thị Hồng	QNX 035	12/03/1988	Đại học	Luật Kinh tế	Trung bình khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Minh Châu	Huyện Văn Đồn	207,60	31,00		238,60	Hai trăm ba mươi tám phẩy sáu	Không đạt
36	Trần Quốc Khánh	QNX 036	02/9/1980	Đại học	Luật Kinh tế	Trung bình khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Minh Châu	Huyện Văn Đồn	200,00	Bỏ thi	10			
37	Bùi Thắng Lợi	QNX 037	22/5/1993	Đại học	Luật	Khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Minh Châu	Huyện Văn Đồn	212,70	35,00		247,70	Hai trăm bốn mươi bảy phẩy bảy	Không đạt
38	Lê Trọng Lượng	QNX 038	26/8/1987	Trung cấp	Luật	Trung bình khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Vĩnh Thực	Thành phố Móng Cái	188,85	56,00	10	254,85	Hai trăm năm mươi tư phẩy tám lăm	Đạt
39	Chu Thị Oanh	QNX 039	15/10/1993	Đại học	Luật	Khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Đồng Văn	Huyện Bình Liêu	208,50	Bỏ thi	20			
40	Bùi Văn Tùng	QNX 040	17/5/1988	Đại học	Luật Kinh tế	Trung bình khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Minh Châu	Huyện Văn Đồn	190,95	56,50	10	257,45	Hai trăm năm mươi bảy phẩy bốn lăm	Đạt
41	Bùi Thị Phương Thảo	QNX 041	10/9/1990	Đại học	Luật học	Khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Minh Châu	Huyện Văn Đồn	293,00	32,50		325,50	Ba trăm hai mươi lăm phẩy năm	Không đạt
42	Chu Bích Thảo	QNX 042	05/7/1992	Đại học	Luật	Khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Đồng Văn	Huyện Bình Liêu	233,21	Bỏ thi	20			
43	Phan Thu Thủy	QNX 043	02/12/1991	Đại học	Luật	Khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Đồng Văn	Huyện Bình Liêu	212,40	Bỏ thi	20			
44	Nông Thị Trang	QNX 044	02/8/1994	Đại học	Luật	Khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Đồng Văn	Huyện Bình Liêu	207,60	Bỏ thi	20			
45	Trần Thị Thùy Trang	QNX 045	08/3/1994	Đại học	Luật Kinh tế	Trung bình khá	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Đồng Văn	Huyện Bình Liêu	192,12	Bỏ thi	20			
46	Lê Thị Cẩm Vân	QNX 046	20/7/1991	Đại học	Luật Kinh tế	Trung bình	Xét tuyển địa bàn	Tư pháp - hộ tịch	Xã Minh Châu	Huyện Văn Đồn	196,20	11,50		207,70	Hai trăm linh bảy phẩy bảy	Không đạt
III	LĨNH VỰC VĂN PHÒNG															
47	Nguyễn Duy Anh	QNX 047	12/3/1990	Thạc sĩ	Quản lý công		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trung Vương	Thành phố Uông Bí		34,00		34,00	Ba mươi tư	Không đạt
48	Nguyễn Thị Thùy Dung	QNX 048	13/8/1992	Đại học	Quản trị nhân lực	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long		39,00		39,00	Ba mươi chín	Không đạt
49	Bùi Mạnh Giang	QNX 049	02/8/1987	Thạc sĩ	Quản lý hành chính công		Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Phong	Thành phố Hạ Long		Bỏ thi				
50	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	QNX 050	18/3/1989	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trung Vương	Thành phố Uông Bí		16,00		16,00	Mười sáu	Không đạt

TT	Họ và tên		Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển			Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					Kết quả	
				Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ		
					Trình độ	Chuyên ngành			Loại tốt nghiệp	Xã, phường, thị trấn							Huyện, thị xã, thành phố
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16	17
51	Hoàng Minh	Hiền	QNX 051	04/10/1989	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long		30,00		30,00	Ba mươi	Không đạt
52	Phạm Thị	Hoài	QNX 052	22/11/1985	Đại học	Quản trị kinh doanh	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trung Vương	Thành phố Uông Bí		82,00		82,00	Tám mươi hai	Đạt
53	Vì Thanh	Hoài	QNX 053	05/3/1993	Đại học	Hành chính học	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Cẩm Thủy	Thành phố Cẩm Phả		16,00		16,00	Mười sáu	Không đạt
54	Phạm Thị Thúy	Hồng	QNX 054	04/12/1984	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Nam Khê	Thành phố Uông Bí		60,00		60,00	Sáu mươi	Đạt
55	Cao Thị	Huê	QNX 055	05/11/1990	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Nam Khê	Thành phố Uông Bí		Bỏ thi				
56	Trần Thị	Huệ	QNX 056	29/6/1994	Đại học	Quản trị kinh doanh	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trần Hưng Đạo	Thành phố Hạ Long		38,00		38,00	Ba mươi tám	Không đạt
57	Đặng Thị	Hường	QNX 057	31/8/1994	Đại học	Quản trị nhân lực	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Xã Hiệp Hòa	Thị xã Quảng Yên		79,00		79,00	Bảy mươi chín	Đạt
58	Vũ Thị Bảo	Lâm	QNX 058	30/7/1993	Đại học	Hành chính học	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Thị trấn Trới	Huyện Hoành Bồ		76,00		76,00	Bảy mươi sáu	Đạt
59	Trần Hồng	Linh	QNX 059	21/6/1987	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Khá	Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Phong	Thành phố Hạ Long		19,00		19,00	Mười chín	Không đạt
60	Đào Thúy	Phương	QNX 060	06/4/1986	Đại học	Luật	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Cẩm Trung	Thành phố Cẩm Phả		20,00		20,00	Hai mươi	Không đạt
61	Đinh Văn	Quân	QNX 061	26/4/1976	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trần Hưng Đạo	Thành phố Hạ Long		Bỏ thi				
62	Nguyễn Thái	Sơn	QNX 062	18/12/1993	Đại học	Luật	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long		Bỏ thi				
63	Nguyễn Thị	Tâm	QNX 063	10/8/1990	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Khánh	Thành phố Hạ Long		80,00		80,00	Tám mươi	Đạt
64	Nguyễn Ngọc	Tú	QNX 064	08/6/1986	Thạc sĩ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hưng Đạo	Thị xã Đông Triều		80,00		80,00	Tám mươi	Đạt
65	Phạm Văn	Tuấn	QNX 065	04/12/1992	Đại học	Công tác xã hội	Giỏi	Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hải Hòa	Thành phố Móng Cái		76,00		76,00	Bảy mươi sáu	Đạt
66	Nguyễn Thanh	Tùng	QNX 066	29/5/1994	Đại học	Hành chính học	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Xã Nguyễn Huệ	Thị xã Đông Triều		Bỏ thi	20			
67	Vũ Thị	Thảo	QNX 067	15/12/1989	Đại học	Quản trị nhân lực	Giỏi	Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Trung	Thành phố Hạ Long		74,00		74,00	Bảy mươi tư	Đạt
68	Đỗ Phương	Thảo	QNX 068	27/4/1985	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trần Hưng Đạo	Thành phố Hạ Long		58,00		58,00	Năm mươi tám	Đạt
69	Hoàng Thu	Thảo	QNX 069	17/10/1989	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Trần Hưng Đạo	Thành phố Hạ Long		78,00		78,00	Bảy mươi tám	Đạt

TT	Họ và tên	Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển				Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					Kết quả
			Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển			Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ	
				Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố						
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16	17
70	Đinh Thị Quỳnh Trang	QNX 070	16/11/1988	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long		15,00		15,00	Mười lăm	Không đạt
71	Nguyễn Thị Trang	QNX 071	12/8/1988	Đại học	Quản trị kinh doanh	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Phường Phương Nam	Thành phố Uông Bí		18,00		18,00	Mười tám	Không đạt
72	Phạm Thu Trang	QNX 072	20/11/1992	Đại học	Hành chính học	Giỏi	Thi tuyển	Văn phòng - thống kê	Xã Thống Nhất	Huyện Hoành Bồ		76,00		76,00	Bảy mươi sáu	Đạt
73	Ngô Thị Thanh Uyên	QNX 073	02/9/1989	Thạc sĩ	Quản lý hành chính công		Chất lượng cao	Văn phòng - thống kê	Phường Hà Phong	Thành phố Hạ Long		75,00		75,00	Bảy mươi lăm	Đạt
74	Triệu Thị Hà	QNX 074	14/7/1991	Đại học	Hành chính học	Trung bình khá	Xét tuyển địa bàn	Văn phòng - thống kê	Xã Đồng Tâm	Huyện Bình Liêu	208,51	62,00	20	290,51	Hai trăm chín mươi phẩy năm một	Đạt
75	Nông Thị Hạnh	QNX 075	29/12/1994	Đại học	Hành chính học	Khá	Xét tuyển địa bàn	Văn phòng - thống kê	Xã Đồng Tâm	Huyện Bình Liêu	219,27	47,00	20	286,27	Hai trăm tám mươi sáu phẩy hai bảy	Không đạt
76	Vi Thị Ngân	QNX 076	23/6/1992	Đại học	Hành chính học	Khá	Xét tuyển địa bàn	Văn phòng - thống kê	Xã Đồng Tâm	Huyện Bình Liêu	250,24	46,00	20	316,24	Ba trăm mười sáu phẩy hai bốn	Không đạt
77	Hà Thị Phương	QNX 077	15/10/1994	Đại học	Hành chính học	Khá	Xét tuyển địa bàn	Văn phòng - thống kê	Xã Đồng Tâm	Huyện Bình Liêu	231,34	13,00	20	264,34	Hai trăm sáu mươi tư phẩy ba tư	Không đạt
78	Chu Bích Vân	QNX 078	01/10/1994	Đại học	Hành chính học	Khá	Xét tuyển địa bàn	Văn phòng - thống kê	Xã Đồng Tâm	Huyện Bình Liêu	230,85	5,00	20	255,85	Hai trăm năm mươi năm phẩy tám lăm	Không đạt
IV LĨNH VỰC VĂN HÓA, THÔNG TIN																
79	Nguyễn Đắc Hưng	QNX 079	28/11/1983	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Vàng Danh	Thành phố Uông Bí		Bỏ thi				
80	Vũ Thị Luyện	QNX 080	02/01/1990	Thạc sĩ	Lý luận Văn học		Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Ninh Dương	Thành phố Móng Cái		30,50		30,50	Ba mươi phẩy năm	Không đạt
81	Trần Ngọc Thanh	QNX 081	01/02/1988	Đại học	Công nghệ thông tin	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Vàng Danh	Thành phố Uông Bí		34,50		34,50	Ba mươi tư phẩy năm	Không đạt
V LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI																
82	Ngô Thị Diệu	QNX 082	14/12/1980	Đại học	Công tác xã hội	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Bạch Đằng	Thành phố Hạ Long		75,00	20	95,00	Chín mươi lăm	Đạt
83	Bùi Thị Dịu	QNX 083	04/10/1992	Đại học	Xã hội học	Giỏi	Chất lượng cao	Văn hóa - xã hội	Phường Quang Trung	Thành phố Uông Bí		14,00		14,00	Mười bốn	Không đạt
84	Nguyễn Thị Hồng Hạ	QNX 084	19/5/1990	Đại học	Công tác xã hội	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Trung Vương	Thành phố Uông Bí		12,50		12,50	Mười hai phẩy năm	Không đạt

TT	Họ và tên		Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển			Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					Kết quả	
				Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ		
					Trình độ	Chuyên ngành			Loại tốt nghiệp	Xã, phường, thị trấn							Huyện, thị xã, thành phố
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16	17
85	Bùi Thị	Huyền	QNX 085	28/7/1989	Đại học	Xã hội học	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Cẩm Trung	Thành phố Cẩm Phả		56,50		56,50	Năm mươi sáu phẩy năm	Đạt
86	Đào Thị Thu	Hương	QNX 086	18/7/1989	Đại học	Công tác xã hội	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Cao Xanh	Thành phố Hạ Long		64,00		64,00	Sáu mươi tư	Đạt
87	Đinh Thị Thu	Hường	QNX 087	06/4/1988	Thạc sĩ	Xã hội học		Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Hùng Thắng	Thành phố Hạ Long		16,50		16,50	Mười sáu phẩy năm	Không đạt
88	Lê Thị Thùy	Liên	QNX 088	01/7/1990	Thạc sĩ	Công tác xã hội		Chất lượng cao	Văn hóa - xã hội	Phường Cẩm Thạch	Thành phố Cẩm Phả		27,00		27,00	Hai mươi bảy	Không đạt
89	Nguyễn Thị	Linh	QNX 089	04/6/1989	Đại học	Tâm lý học	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Xã Thượng Yên Công	Thành phố Uông Bí		Bỏ thi				
90	Đoàn Thảo	My	QNX 090	14/7/1993	Đại học	Công tác xã hội	Giỏi	Thi tuyển	Văn hóa - xã hội	Phường Cẩm Trung	Thành phố Cẩm Phả		18,50		18,50	Mười tám phẩy năm	Không đạt
91	Phạm Thị	Nhâm	QNX 091	14/3/1991	Thạc sĩ	Quản lý xã hội		Chất lượng cao	Văn hóa - xã hội	Phường Quang Trung	Thành phố Uông Bí		Bỏ thi				
92	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	QNX 092	23/9/1994	Đại học	Quản lý văn hóa - tư tưởng	Giỏi	Chất lượng cao	Văn hóa - xã hội	Phường Quang Trung	Thành phố Uông Bí		Bỏ thi				
93	Đinh Thị	Thủy	QNX 093	01/9/1987	Thạc sĩ	Công tác xã hội		Chất lượng cao	Văn hóa - xã hội	Phường Tân An	Thị xã Quảng Yên		84,50	20	104,50	Một trăm linh tư phẩy năm	Đạt
VI	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN																
94	Nguyễn Thị Vân	Anh	QNX 094	26/5/1991	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Thủy	Thành phố Cẩm Phả		73,50		73,50	Bảy mươi ba phẩy năm	Đạt
95	Vũ Văn	Bình	QNX 095	11/5/1987	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Tuần Châu	Thành phố Hạ Long		67,00	20	87,00	Tám mươi bảy	Đạt
96	Cao Thị	Dung	QNX 096	16/12/1991	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Cẩm Hải	Thành phố Cẩm Phả		13,50		13,50	Mười ba phẩy năm	Không đạt
97	Phạm Thị Thu	Hà	QNX 097	17/7/1990	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Đông	Thành phố Cẩm Phả		16,00		16,00	Mười sáu	Không đạt
98	Trần Hạnh	Hoa	QNX 098	18/01/1994	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Hoàng Tân	Thị xã Quảng Yên		19,00		19,00	Mười chín	Không đạt
99	Lê Thị Thu	Hoài	QNX 099	18/3/1990	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Trung	Thành phố Cẩm Phả		56,50		56,50	Năm mươi sáu phẩy năm	Đạt
100	Hà Đình	Hoàng	QNX 100	18/6/1992	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Sơn	Thành phố Cẩm Phả		30,00		30,00	Ba mươi	Không đạt
101	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	QNX 101	11/8/1991	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Quảng La	Huyện Hoành Bồ		15,00		15,00	Mười lăm	Không đạt

TT	 Họ và tên		Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển			Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					Kết quả	
				Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ		
					Trình độ	Chuyên ngành			Loại tốt nghiệp	Xã, phường, thị trấn							Huyện, thị xã, thành phố
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16	17
102	Nguyễn Thị	Hương	QNX 102	24/02/1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Giếng Đáy	Thành phố Hạ Long		31,00		31,00	Ba mươi một	Không đạt
103	Vũ Thị	Hường	QNX 103	24/12/1986	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long		91,50		91,50	Chín mươi một phẩy năm	Đạt
104	Phạm Đình	Khánh	QNX 104	26/3/1991	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Đông	Thành phố Cẩm Phả		68,00		68,00	Sáu mươi tám	Đạt
105	Phạm Thùy	Linh	QNX 105	08/9/1993	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Phú	Thành phố Cẩm Phả		76,00		76,00	Bảy mươi sáu	Đạt
106	Vũ Văn	Long	QNX 106	10/10/1992	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Hoàng Tân	Thị xã Quảng Yên		74,00		74,00	Bảy mươi tư	Đạt
107	Đặng Minh	Mạnh	QNX 107	13/9/1990	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Phú	Thành phố Cẩm Phả		92,50		92,50	Chín mươi hai phẩy năm	Đạt
108	Bùi Văn	Nam	QNX 108	29/01/1990	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Hoàng Tân	Thị xã Quảng Yên		37,50		37,50	Ba mươi bảy phẩy năm	Không đạt
109	Đỗ Mai	Phương	QNX 109	02/12/1993	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Phương Đông	Thành phố Uông Bí		35,50		35,50	Ba mươi lăm phẩy năm	Không đạt
110	Mai Xuân	Toàn	QNX 110	07/12/1984	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Hà Trung	Thành phố Hạ Long		79,50		79,50	Bảy mươi chín phẩy năm	Đạt
111	Nguyễn Thị	Tuyền	QNX 111	20/8/1991	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên		35,00		35,00	Ba mươi lăm	Không đạt
112	Vũ Thị	Tuyền	QNX 112	17/9/1991	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Hoàng Tân	Thị xã Quảng Yên		84,00		84,00	Tám mươi tư	Đạt
113	Trương Thị	Thái	QNX 113	25/11/1990	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên		73,00		73,00	Bảy mươi ba	Đạt
114	Trần Thị Bích	Thùy	QNX 114	15/4/1993	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Phương Đông	Thành phố Uông Bí		64,00		64,00	Sáu mươi tư	Đạt
115	Phan Thị Bảo	Thương	QNX 115	07/01/1992	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Tân Lập	Huyện Đầm Hà		65,50		65,50	Sáu mươi lăm phẩy năm	Đạt
116	Hoàng Văn	Biển	QNX 116	12/02/1992	Trung cấp	Quản lý đất đai	Khá	Xét tuyển địa bàn	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Vĩnh Thực	Thành phố Móng Cái	221,73	62,00		283,73	Hai trăm tám mươi ba phẩy bảy ba	Đạt
117	Lục Thị	Kim	QNX 117	30/7/1995	Cao đẳng	Quản lý đất đai	Khá	Xét tuyển địa bàn	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Đồng Sơn	Huyện Hoành Bồ	212,10	18,00	20	250,10	Hai trăm năm mươi phẩy một	Không đạt

T	Họ và tên	Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển				Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					Kết quả
			Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển			Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ	
				Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16	17
18	Vũ Thị Lan	QNX 118	19/01/1991	Đại học	Quản lý đất đai	Khá	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Vĩnh Thực	Thành phố Móng Cái	227,33	34,00		261,33	Hai trăm sáu mươi một phẩy ba ba	Không đạt
19	Nguyễn Xuân Minh	QNX 119	12/9/1994	Cao đẳng	Quản lý đất đai	Khá	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Kỳ Thượng	Huyện Hoành Bồ	204,60	0		204,60	Hai trăm linh tư phẩy sáu	Không đạt
20	Lâm Nguyễn	QNX 120	04/6/1993	Đại học	Quản lý đất đai	Trung bình	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Đồng Sơn	Huyện Hoành Bồ	192,90	Bỏ thi				
21	Dương Văn Quang	QNX 121	19/6/1991	Cao đẳng	Quản lý đất đai	Trung bình khá	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Kỳ Thượng	Huyện Hoành Bồ	212,78	Bỏ thi				
22	Trần Thị Thanh Tâm	QNX 122	01/12/1991	Đại học	Quản lý đất đai	Giỏi	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Đồng Sơn	Huyện Hoành Bồ	232,50	82,00		314,50	Ba trăm mười bốn phẩy năm	Đạt
23	Triệu Minh Vượng	QNX 123	05/12/1992	Cao đẳng	Quản lý đất đai	Trung bình	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Kỳ Thượng	Huyện Hoành Bồ	200,10	0	20	220,10	Hai trăm hai mươi phẩy một	Không đạt
/II LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG																
24	Hoàng Thanh Dung	QNX 124	26/01/1988	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	Khá	Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Thịnh	Thành phố Cẩm Phả		Bỏ thi				
25	Dương Ngô Lịch	QNX 125	19/11/1983	Thạc sĩ	Quản lý Môi trường		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Hùng Thắng	Thành phố Hạ Long		95,00		95,00	Chín mươi năm	Đạt
26	Nguyễn Thị Vân Nga	QNX 126	20/11/1990	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	Giỏi	Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Thịnh	Thành phố Cẩm Phả		85,50		85,50	Tám mươi lăm phẩy năm	Đạt
27	Trần Trung Phong	QNX 127	18/6/1986	Thạc sĩ	Quản lý Môi trường	Trung bình khá	Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cẩm Thịnh	Thành phố Cẩm Phả		Bỏ thi				
28	Hoàng Thị Phương	QNX 128	05/02/1991	Đại học	Khoa học môi trường	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Thống Nhất	Huyện Hoành Bồ		18,50		18,50	Mười tám phẩy năm	Không đạt
29	Nguyễn Thanh Tuấn	QNX 129	09/3/1986	Thạc sĩ	Khoa học môi trường		Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Thống Nhất	Huyện Hoành Bồ		92,00		92,00	Chín mươi hai	Đạt
30	Vũ Thị Tuyết	QNX 130	17/10/1983	Đại học	Kỹ thuật Môi trường	Giỏi	Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Thống Nhất	Huyện Hoành Bồ		Bỏ thi				
31	Vũ Thị Bích Ngọc	QNX 131	25/8/1993	Đại học	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	Khá	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Đồng Sơn	Huyện Hoành Bồ	244,55	19,00		263,55	Hai trăm sáu mươi ba phẩy năm lăm	Không đạt

TT	Họ và tên	Số báo danh	Hồ sơ đăng ký dự tuyển				Vị trí dự tuyển				Điểm của thí sinh					Kết quả
			Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn của người đăng ký dự tuyển			Nguồn dự tuyển	Chức danh công chức dự tuyển	Đơn vị dự tuyển		Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Bảng chữ	
				Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp			Xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 12+13+14	16	17
132	Điệp Văn Phảng	QNX 132	26/7/1984	Đại học	Khoa học môi trường	Trung bình	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Kỳ Thượng	Huyện Hoành Bồ	188,10	56,00	20	264,10	Hay trăm sáu mươi tư phẩy một	Đạt
133	Linh Thị Sơn	QNX 133	24/12/1990	Đại học	Địa chính môi trường	Khá	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Đồng Sơn	Huyện Hoành Bồ	232,80	88,50	20	341,30	Ba trăm bốn mươi một phẩy ba	Đạt
134	Nguyễn Thị Hà Thu	QNX 134	23/12/1992	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Khá	Xét tuyển địa bản	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Kỳ Thượng	Huyện Hoành Bồ	232,80	36,00		268,80	Hai trăm sáu mươi tám phẩy tám	Không đạt
VIII LĨNH VỰC XÂY DỰNG																
135	Đình Việt Bách	QNX 135	15/6/1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên		69,00		69,00	Sáu mươi chín	Đạt
136	Nguyễn Huy Bình	QNX 136	31/12/1986	Thạc sĩ	Quản lý đô thị và công trình		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Vàng Danh	Thành phố Uông Bí		78,00		78,00	Bảy mươi tám	Đạt
137	Hồ Minh Đức	QNX 137	24/9/1983	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng, đô thị		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Hà Tu	Thành phố Hạ Long		83,50		83,50	Tám mươi ba phẩy năm	Đạt
138	Phạm Tuấn Hưng	QNX 138	04/9/1989	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cao Thắng	Thành phố Hạ Long		77,00		77,00	Bảy mươi bảy	Đạt
139	Nguyễn Hải Lân	QNX 139	18/7/1987	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Hải Hòa	Thành phố Móng Cái		Bỏ thi				
140	Phạm Thế Mạnh	QNX 140	09/01/1989	Thạc sĩ	Công trình đường bộ và đường sắt		Thi tuyển	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường	Xã Tiên Lãng	Huyện Tiên Yên		65,00		65,00	Sáu mươi lăm	Đạt
141	Nguyễn Công Toán	QNX 141	02/01/1983	Thạc sĩ	Kiến trúc		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Bắc Sơn	Thành phố Uông Bí		79,00	10	89,00	Tám mươi chín	Đạt
142	Phạm Văn Thắng	QNX 142	27/11/1989	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng		Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Cao Xanh	Thành phố Hạ Long		56,00		56,00	Năm mươi sáu	Đạt
143	Bùi Văn Thụ	QNX 143	07/12/1984	Thạc sĩ	Xây dựng		Thi tuyển	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Bắc Sơn	Thành phố Uông Bí		23,00		23,00	Hai mươi ba	Không đạt
144	Nguyễn Thanh Thủy	QNX 144	05/12/1993	Đại học	Kinh tế và Quản lý đô thị	Giỏi	Chất lượng cao	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Phường Vàng Danh	Thành phố Uông Bí		Bỏ thi				

Ấn định danh sách trên là 144 người.